

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HSST
Ngày 04- 03- 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tiến;
2. Bà Tô Thị Liễu.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Tạ Thị Hồng L1, sinh ngày 14 tháng 06 năm 2000; Nơi sinh: Tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Khu phố xxx, thị trấn T1, huyện H1, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Tạ Thanh S1, sinh năm 1959; họ tên mẹ: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1962; Họ tên chồng: Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1999; chưa có con; Tiền án, tiền sự: không. Danh chỉ bản số 322 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 25- 12- 2020. Bị tạm giữ từ ngày 24- 12- 2020; bị tạm giam từ ngày 27- 12- 2020; hiện bị tạm giam tại Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Bình; trích xuất, có mặt.

Bị hại: Chị Phạm Thị T2, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn T3, xã T4, huyện T5, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Phạm Thanh T6, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn L2, xã T7, huyện T5, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

- Chị Tạ Thùy L3, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn L2, xã T7, huyện T5, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 30 ngày 12-03- 2019, bị cáo cùng chị L3, anh T6 và nhóm bạn

của anh T6 đến quán ăn đêm của chị T2. Trong khi mọi người ngồi chờ thì bị cáo đi đến gần chị T2, hỏi chị về nơi đi vệ sinh. Được chị T2 chỉ dẫn, bị cáo đi vào nhà vệ sinh; trong quá trình đi vào nhà vệ sinh, do cửa phòng ngủ nhà chị T2 đang mở nên bị cáo nhìn thấy trên giường ngủ có một ví da màu đỏ, trong phòng không có người trông coi. Sau khi từ nhà vệ sinh quay ra, thấy cửa vẫn mở nên bị cáo đã lẻn vào phòng ngủ trộm chiếc ví; quay lại nhà vệ sinh, lấy hết tiền trong ví giấu vào người; bỏ ví da vào bồn nước nhà vệ sinh. Sau đó, bị cáo ra ăn đêm cùng mọi người, rồi cùng đi về nhà chị L3. Sau khi khách về thì chị T2 phát hiện mất ví tiền nên đã điện thoại nói chuyện với chị L3 về việc mất tiền và nói chị L3 đưa bị cáo đến gặp. Đến ngày 13 tháng 03 năm 2019, bị cáo đem toàn bộ số tiền đã trộm cắp đến trả chị T2. Sau đó, bị cáo bỏ trốn, ngày 24- 12- 2020 đến Công an huyện đầu thú.

Các chứng cứ chứng minh : Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; Biên bản xác định hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Báo cáo của Công an xã T4; Đơn trình báo và lời khai bị hại là chị T2; lời khai của những người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện T ngày 04 tháng 02 năm 2021 là 01 ví da màu đỏ.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Ngày 12- 03- 2019, tại quán ăn nhà chị T2 ở thôn T3, xã T4; trong khi đi vệ sinh, bị cáo đã lợi dụng chị T2 đang bận, cửa phòng ngủ lại đang mở nên đã vào phòng ngủ trộm cắp chiếc số tiền 17.790.000 đồng trong ví của chị T2. Ngày 13- 03- 2019, bị cáo đã đem toàn bộ số tiền đã trộm cắp đến trả chị T2. Sau đó, bị cáo bỏ trốn, trong thời gian bỏ trốn bị cáo đã đăng ký kết hôn.

Bị hại là chị T2 trình bày: Hồi 00 giờ 30 ngày 12- 03- 2019, bị cáo L1 cùng 4 người khách đến quán ăn đêm của chị. Trong khi chị làm thức ăn thì L1 đến hỏi nhà vệ sinh, chị đã chỉ cho L1 rồi tiếp tục làm món ăn cho khách. Sau khi nhóm khách về thì chị phát hiện mất ví tiền để trong phòng ngủ. Chị nghi ngờ bị cáo L1 trộm cắp vì mọi người đi cùng L1 đều ngồi ở bàn ăn mà không đi chuyển đi đâu; chỉ có bị cáo L1 vào nhà vệ sinh, gần đó là phòng ngủ cửa mở, ví tiền của chị để trên giường ngủ. Chị đã gọi điện nói chuyện với chị L3 bảo bị cáo có lấy tiền thì cho chị xin lại; sau đó chị viết đơn trình báo. Chị đã nhận lại toàn bộ số tiền do bị cáo đem đến trả; chị không yêu cầu bồi thường thêm; đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng là chị L3, anh T6 trình bày: Chị L3 là vợ anh T6 và là em họ bị cáo. Đêm 12- 03- 2019, bị cáo cùng anh chị và các bạn của anh đến quán ăn của chị T2 ở xã T4 để ăn đêm, khoảng 01 giờ thì về ngủ. Khoảng 02 giờ sáng thì chị T2 gọi điện nói mất tiền. Sau này, chị T2 nói cho chị biết bị cáo nhận đã trộm cắp tiền của chị T2.

Bản cáo trạng số 12/CT-VKSTT ngày 03- 02- 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều

51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên đề nghị:

-Xử phạt bị cáo tù 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 24- 12- 2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện T5, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T5, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo trình bày: Ngày 12- 03- 2019, bị cáo trộm cắp của chị T2 số tiền 17.790.000đồng. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Bị cáo là người trên 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã trộm cắp số tiền 17.790.000đồng nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội : “Trộm cắp tài sản,”tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản1 Điều173 Bộ luật Hình sự.Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”....

[3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, tại phiên tòa ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người lao động nhưng không chịu tu dưỡng nên đã lợi dụng sơ hở trong trông coi tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; là nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý về hình sự; cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt tù để giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

Bị cáo là người lao động, công việc và thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên không áp hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[4]. Về vật chứng, xử lý vật chứng: 01 chiếc ví da màu đỏ, hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện T5 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04- 02- 2021. Cần áp dụng khoản 1, Điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại bị hại là chị T2.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho xong cho chị T2 số tiền 17.790.000đồng; chị không yêu cầu bồi thường gì thêm, không yêu cầu gì khác nên cần ghi nhận thỏa thuận bồi thường.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do đã bồi thường xong trước khi xét xử nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Bị cáo Tạ Thị Hồng L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo 09 (Chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 24- 12- 2020.

-Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận thỏa thuận: Bị cáo L1 bồi thường cho chị T2 số tiền 17.790.000đồng (Đã bồi thường xong).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, Điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại chị T2: 01 chiếc ví da màu đỏ, hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện T5 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04- 02- 2021.

5. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện T5;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện T5;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T5;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tòng